

**CHÍNH PHỦ****NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 1-CP  
ngày 3-1-1996 về xử phạt vi  
phạm hành chính trong lĩnh  
vực thương mại.****CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,*

**NGHỊ ĐỊNH:****Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1.- Phạm vi và đối tượng áp dụng:**

1. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại là những hành vi vi phạm các quy định quản lý Nhà nước về hoạt động thương mại và dịch vụ thương mại chưa tới mức phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại quy định tại Nghị định này gồm:

a) Vi phạm các quy định về mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

b) Vi phạm các quy định về dịch vụ giao nhận, cất giữ, bảo quản, vận chuyển hàng hóa.

c) Vi phạm các quy định về trưng bày giới thiệu hàng hóa, hội chợ, triển lãm thương mại, môi giới thương mại, ủy thác giao dịch thương mại.

d) Vi phạm các quy định về dịch vụ ăn uống, du lịch, khách sạn, nhà trọ, cầm đồ, sửa chữa đồ dùng, cho thuê đồ dùng, bảo hành sản phẩm, các dịch vụ thương mại khác.

3. Mọi tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại đều bị xử phạt theo Nghị định này và các Nghị định, quy định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm

hành chính có liên quan đến hoạt động thương mại.

Tổ chức, cá nhân người nước ngoài nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại trên lãnh thổ Việt Nam cũng bị xử phạt như đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, trừ trường hợp trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, ký kết có quy định khác.

**Điều 2.- Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại như sau:**

1. Thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực thương mại thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính gây ra thiệt hại vật chất thì phải bồi thường.

3. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ xử phạt một lần. Một người có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng quy định tại các Điều 7 và 8 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính để quyết định hình thức xử phạt, mức xử phạt và các biện pháp xử lý phù hợp được quy định tại Nghị định này và các Nghị định, quy định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính.

5. Không xử phạt hành chính trong trường hợp người vi phạm đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi.

6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo các Điều 9 và 10 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 3.- Việc áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khác quy định tại Nghị định này như sau:**

1. Khi thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này, người có thẩm quyền xử phạt

chỉ được áp dụng những hình thức xử phạt và các biện pháp khắc đã được pháp luật quy định.

2. Phạt cảnh cáo: Áp dụng đối với những vi phạm nhỏ, lần đầu, có tính tiết giảm nhẹ.

3. Phạt tiền: Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm để quyết định mức phạt tiền trong khung phạt tiền đã được quy định.

Vi phạm có tính tiết giảm nhẹ thì có thể phạt thấp hơn, nhưng không được dưới mức thấp nhất của khung phạt tiền đã được quy định.

Vi phạm có tính tiết tăng nặng thì có thể phạt đến mức cao nhất của khung phạt tiền đã được quy định.

Vi phạm có nhiều tính tiết tăng nặng theo Khoản 3 Điều 13 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính thì áp dụng khung phạt tiền có nhiều tính tiết tăng nặng.

4. Các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính.

5. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại còn bị xử phạt bởi một hoặc nhiều hình thức phạt bổ sung sau đây:

- Đình chỉ có thời hạn hoạt động dịch vụ, kinh doanh.

- Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn hoặc vĩnh viễn.

- Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện được sử dụng để gây ra vi phạm.

Phạt tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm được thực hiện đối với những loại hàng hóa, tang vật, phương tiện mà pháp luật quy định cho phép tịch thu.

## Chương II

### VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

**Điều 4.-** Xử phạt vi phạm các quy định về Đăng ký kinh doanh thương mại đối với các doanh nghiệp, công ty, chi nhánh; về đặt văn phòng đại diện đối với các doanh nghiệp, công ty, chi nhánh và các tổ chức kinh tế (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp):

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện quá hạn.

b) Đánh mất Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện mà không khai báo.

c) Không lưu giữ Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại trụ sở theo quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Không đăng báo công khai theo quy định sau khi được cấp Đăng ký kinh doanh, khi thay đổi nội dung Đăng ký kinh doanh, hoặc khi giải thể doanh nghiệp.

b) Buộc phải hoặc được phép tạm ngừng, chấm dứt hoạt động kinh doanh, hoạt động của văn phòng đại diện mà vẫn hoạt động.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện đến 1 (một) năm đối với một trong các hành vi:

a) Cho thuê, cho mượn Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện.

b) Thuê, mượn Đăng ký kinh doanh của người khác để kinh doanh hoặc thuê, mượn Giấy phép đặt văn phòng đại diện để hoạt động.

c) Kinh doanh không đúng với nội dung Đăng ký kinh doanh hoặc hoạt động không đúng với nội dung Giấy phép đặt văn phòng đại diện.

d) tẩy xóa, sửa chữa Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đặt văn phòng đại diện.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và đình chỉ hoạt động kinh doanh đối với hành vi kinh doanh mà không đăng ký kinh doanh hoặc hoạt động của văn phòng đại diện mà không có Giấy phép. Trường hợp có nhiều tính tiết tăng nặng phạt tiền đến 30.000.000 đồng.

**Điều 5.-** Xử phạt vi phạm quy định về Giấy phép kinh doanh thương mại đối với cá nhân và nhóm kinh doanh theo Nghị định số 66-HĐBT ngày 2-3-1992 (sau đây gọi tắt là cá nhân kinh doanh):

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- a) Sử dụng Giấy phép kinh doanh quá hạn.
- b) Đánh mất Giấy phép kinh doanh mà không khai báo.
- c) Không lưu giữ Giấy phép kinh doanh tại địa điểm kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi:

- a) Tam ngừng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh mà không xin phép hoặc khai báo.
- b) Được phép tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh mà vẫn kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng và tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh đến 1 (một) năm đối với một trong các hành vi:

- a) Tẩy xóa, sửa chữa Giấy phép kinh doanh.
- b) Cho thuê hoặc cho mượn Giấy phép kinh doanh.
- c) Thuê hoặc mượn Giấy phép kinh doanh để kinh doanh.
- d) Kinh doanh không đúng với nội dung Giấy phép kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng và đình chỉ hoạt động kinh doanh đối với hành vi kinh doanh mà không có Giấy phép kinh doanh.

**Điều 6.-** Xử phạt vi phạm quy định về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, phương tiện sử dụng để vi phạm đối với hành vi kinh doanh loại dịch vụ Nhà nước cấm kinh doanh. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 30.000.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, phương tiện sử dụng để vi phạm đối với hành vi kinh doanh (mua, bán, vận chuyển, tàng trữ) loại hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 50.000.000 đồng.

**Điều 7.-** Xử phạt vi phạm quy định về hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện:

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc loại kinh doanh có điều kiện mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

Đình chỉ hoạt động kinh doanh cho tới khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc loại kinh doanh có điều kiện mà trong quá trình kinh doanh không bảo đảm các điều kiện theo quy định. Buộc bồi thường thiệt hại gây ra; buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi; buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 30.000.000 đồng.

**Điều 8.-** Xử phạt vi phạm quy định về giá hàng hóa, dịch vụ:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không niêm yết giá đối với những loại hàng hóa, dịch vụ Nhà nước quy định phải niêm yết giá.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với việc bán hàng hoặc thu tiền dịch vụ ngoài khung, mức giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định khung, mức giá. Buộc bồi thường thiệt hại gây ra; tịch thu số tiền chênh lệch giá thu được do vi phạm.

**Điều 9.-** Xử phạt vi phạm quy định về trụ sở doanh nghiệp, trụ sở văn phòng đại diện của hàng, cửa hiệu thương mại:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi thay đổi trụ sở của văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoặc thay đổi địa điểm kinh doanh của cá nhân kinh doanh mà không khai báo theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Doanh nghiệp hoặc văn phòng đại diện không có trụ sở giao dịch cố định.

b) Cho thuê hoặc cho mượn tên thương mại của cơ sở kinh doanh nhưng không tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

c) Thuê, mượn, sử dụng tên thương mại của cơ sở kinh doanh khác để kinh doanh nhưng không tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

**Điều 10.-** Xử phạt vi phạm trong quan hệ với khách hàng:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng và buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm gây nên đối với một trong các hành vi:

a) Không thực hiện bảo hành sản phẩm, dịch vụ mà Nhà nước quy định phải bảo hành hoặc đã tự công bố bảo hành sản phẩm, dịch vụ mà không thực hiện.

b) Bảo hành sản phẩm, dịch vụ không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng và buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm gây ra đối với một trong các hành vi:

a) Cân, đong, đo, đếm hàng hóa thiếu hụt cho khách hàng.

b) Đánh tráo hàng hóa hoặc có hành vi gian dối khác gây thiệt hại cho khách hàng.

**Điều 11.-** Xử phạt vi phạm các quy định về đại lý mua, bán hàng hóa, dịch vụ trong nước:

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Sử dụng đại lý hoặc làm đại lý không bảo đảm điều kiện quy định về đại lý mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ.

b) Sử dụng đại lý hoặc làm đại lý không có hợp đồng đại lý theo quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi lợi dụng danh nghĩa đại lý để kinh doanh trái phép.

**Điều 12.-** Xử phạt vi phạm quy định về đại lý mua, bán hàng hóa, dịch vụ với nước ngoài:

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi làm đại lý mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ cho nước ngoài mà không có hợp đồng đại lý theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và đình chỉ hoặc tước quyền sử dụng Giấy phép đại lý đến 1 (một) năm đối với một trong các hành vi:

a) Làm đại lý mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ cho nước ngoài mà không có Giấy phép đại lý.

b) Làm đại lý mua, bán hàng hóa hoặc dịch vụ cho nước ngoài trái với Giấy phép đại lý.

**Điều 13.-** Việc xử phạt vi phạm Quy định về Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện; Chi nhánh Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước

ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo Điều 19, Điều 20 Chương IV của Nghị định số 32-CP ngày 2-8-1994 về Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Khi cơ sở chính ở nước ngoài đã phá sản hoặc giải thể mà Văn phòng đại diện, Chi nhánh Văn phòng đại diện không chấm dứt hoạt động thì xử lý vi phạm theo điểm 2 Điều 20 của Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994 về Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 14.-** Xử phạt vi phạm quy định về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi cho phép và sử dụng giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu quá hạn để xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm, tước quyền hoặc giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp đến 1 (một) năm. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa ngoài phạm vi được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp về ngành hàng, mặt hàng.

b) Xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa sai với giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu về số lượng, trị giá chuyển hàng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Trực tiếp xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa mà không có giấy phép.

b) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu mà theo quy định phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

c) Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Nhà nước cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

d) Mua, bán, chuyển nhượng hạn ngạch, chỉ tiêu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được phân bổ (kể cả hạn ngạch nước ngoài phân bổ cho Việt Nam).

**Điều 15.-** Xử phạt vi phạm quy định về ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trái với phạm vi kinh doanh trong Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh về ngành hàng, mặt hàng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp đến 6 (sáu) tháng đối với hành vi nhận ủy thác xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hóa trái với phạm vi được phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp về ngành hàng, mặt hàng.

**Điều 16.-** Xử phạt vi phạm quy định về chuyển khẩu hàng hóa:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp đến 6 (sáu) tháng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ chuyển khẩu hàng hóa trái với nội dung được phép kinh doanh dịch vụ chuyển khẩu hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ chuyển khẩu hàng hóa mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển khẩu hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm đối với hành vi tiêu thụ trái phép hàng hóa chuyển khẩu trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

**Điều 17.-** Xử phạt vi phạm quy định về tạm nhập tái xuất hàng hóa:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp đến 1 (một) năm đối với hành vi tạm nhập tái xuất hàng hóa trái với nội dung được phép kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tạm nhập tái xuất hàng hóa mà không có giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa tang vật vi phạm

Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Tạm nhập tái xuất loại hàng hóa cấm xuất khẩu hoặc cấm nhập khẩu (trừ những hàng hóa Nhà nước cho phép theo quy chế riêng).

b) Tiêu thụ trái phép hàng hóa tạm nhập tái xuất trên lãnh thổ Việt Nam.

**Điều 18.-** Xử phạt vi phạm quy định về tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi của xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tiêu thụ sản phẩm trên lãnh thổ Việt Nam quá tỷ lệ hoặc hạn mức số lượng, chủng loại, trị giá sản phẩm sản xuất được phép tiêu thụ tại Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm, trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ trái phép trên lãnh thổ Việt Nam hàng hóa nhập khẩu để thành lập xí nghiệp liên doanh, hoặc xí nghiệp có 100% vốn nước ngoài theo nội dung của giấy phép đầu tư đã được cấp.

**Điều 19.-** Xử phạt quy định về cửa hàng kinh doanh hàng hóa miễn thuế:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và đình chỉ hoạt động đối với hành vi mở cửa hàng bán hàng hóa miễn thuế mà không được phép kinh doanh bán hàng hóa miễn thuế.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 30.000.000 đồng và tước quyền kinh doanh bán hàng hóa miễn thuế đến 6 (sáu) tháng đối với hành vi bán hàng hóa miễn thuế trái với nội dung giấy phép về mặt hàng, định mức, số lượng hàng hóa miễn thuế và đối tượng phục vụ.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm, trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 50.000.000 đồng và tước quyền kinh doanh bán hàng hóa miễn thuế đến 6 (sáu) tháng đối với hành vi tiêu thụ ở ngoài phạm vi được phép của cửa hàng miễn thuế đối với những hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.

**Điều 20.-** Xử phạt vi phạm quy định về hội chợ, triển lãm thương mại:

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trái với giấy phép kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại hoặc giấy phép tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại và tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại đến 1 (một) năm.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại hoặc giấy phép tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ Nhà nước cấm kinh doanh, cấm nhập khẩu.

b) Bán hàng hóa, sản phẩm trưng bày, bán hàng hóa khác tại hội chợ, triển lãm thương mại mà không được phép.

c) Bán hàng hóa tại hội chợ, triển lãm thương mại trái với nội dung được phép.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tiêu thụ trái phép hàng hóa tạm nhập để trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm.

**Điều 21.-** Xử phạt đối với các hành vi vi phạm của chủ phương tiện vận tải, kho tàng, bến bãi, nhà ở:

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm, trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Chủ phương tiện vận tải hoặc người điều khiển phương tiện vận tải cố ý vận chuyển hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh, hàng hóa nhập khẩu trái phép.

b) Chủ kho tàng, bến bãi, nhà ở, cửa hàng, cửa hiệu... cố ý chứa chấp hoặc tiếp tay tiêu thụ hàng hóa Nhà nước cấm kinh doanh, hàng hóa nhập khẩu trái phép.

**Điều 22.-** Xử phạt vi phạm khác đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi của tổ chức, cá nhân nước ngoài tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam hàng hóa tiêu dùng nhập khẩu được miễn thuế để sử dụng theo tiêu chuẩn quy định (ngoại điểm b Khoản 2 Điều này).

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và tịch thu hàng hóa, tang vật vi phạm. Trường hợp có nhiều tình tiết tăng nặng phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài có một trong các hành vi:

a) Hoạt động kinh doanh thương mại trên lãnh thổ Việt Nam không được cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cho phép.

b) Tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam phương tiện đi lại, thiết bị thông tin, thiết bị văn phòng và nội thất đã được nhập khẩu miễn thuế để sử dụng theo tiêu chuẩn quy định.

c) Tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam phương tiện vận tải, phương tiện đi lại nhập cảnh vào Việt Nam.

**Điều 23.-** Xử phạt vi phạm về các hành vi cản trở nhân viên, cơ quan Nhà nước thi hành nhiệm vụ kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại:

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

a) Không xuất trình hoặc xuất trình không đầy đủ giấy tờ, chứng từ, sổ sách liên quan đến việc kiểm tra xử lý vi phạm.

b) Không khai báo hoặc khai báo không đúng về nội dung liên quan đến việc kiểm tra, xử lý.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng và buộc bồi thường thiệt hại gây ra đối với một trong các hành vi:

a) Cản trở việc kiểm tra, kiểm soát của nhân viên, cơ quan Nhà nước thi hành nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát.

b) Cố ý trì hoãn hoặc trốn tránh việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng và buộc bồi thường thiệt hại hàng hóa, tang vật đã tẩu tán đối với một trong các hành vi:

a) Tự ý tháo gỡ niêm phong hàng hóa, tang vật vi phạm đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.

b) Tẩu tán hàng hóa, tang vật vi phạm đang bị kiểm tra hoặc tạm giữ.

### Chương III

## THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

**Điều 24.-** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại của Ủy ban Nhân dân các cấp:

1. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng.

d) Buộc bồi thường thiệt hại đến 500.000 đồng do vi phạm hành chính gây ra.

e) Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

g) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường hoặc làm lây lan dịch bệnh.

h) Tiêu hủy những hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người.

2. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 100.000.000 đồng.

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh thương mại do quận, huyện cấp đến 1 (một) năm.

e) Buộc bồi thường thiệt hại đến 1.000.000 đồng do vi phạm hành chính gây ra.

g) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

h) Buộc tiêu hủy theo quy định hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

3. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng.

c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.

d) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh thương mại, Đăng ký kinh doanh thương mại do tỉnh, thành phố cấp.

e) Áp dụng các biện pháp xử phạt khác quy định tại Điểm e, g, h Khoản 2 Điều này.

**Điều 25.-** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường:

1. Kiểm soát viên thị trường các cấp đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 20.000.000 đồng.

d) Buộc tiêu hủy theo quy định hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo.

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 100.000.000 đồng.

d) Tước quyền sử dụng đến 1 (một) năm Giấy phép kinh doanh do quận, huyện cấp, các loại giấy phép hoạt động thương mại khác do các Sở quản lý chuyên ngành cấp.

e) Buộc tiêu hủy theo quy định hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

4. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường có quyền:

- a) Phát cảnh cáo.
- b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng.
- c) Tịch thu hàng hóa, tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính.
- d) Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh, Đăng ký kinh doanh, các loại giấy phép hoạt động thương mại khác do các cấp thuộc địa phương cấp.
- e) Buộc tiêu hủy theo quy định hàng hóa gây hại cho sức khỏe con người, văn hóa phẩm độc hại.

**Điều 26.-** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại của cơ quan Cảnh sát nhân dân, Hải quan, Bộ đội biên phòng và cơ quan Thanh tra Nhà nước chuyên ngành:

1. Người có thẩm quyền của các cơ quan: Cảnh sát nhân dân, Hải quan, Bộ đội biên phòng, Thanh tra Nhà nước chuyên ngành được quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại theo quy định tại Điều 29, 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành thì việc xử phạt do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

**Điều 27.-** Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại:

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các vụ vi phạm hành chính bị xử phạt đều phải lập thành hồ sơ và lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt trong thời hạn quy định.

3. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền phạt tại nơi ghi trong quyết định xử phạt. Nghiêm cấm người xử phạt trực tiếp thu tiền phạt dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng các thủ tục quy định tại Điều 51 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Hàng hóa, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm hành chính bị tịch thu thì chuyển giao cho cơ quan Tài chính cùng cấp để tổ chức bán đấu

giá theo quy định. Tiền thu được phải nộp vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.

5. Chế độ quản lý, sử dụng tiền phạt, tiền bán hàng hóa, tang vật, phương tiện tịch thu do vi phạm thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**Điều 28.-** Thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại:

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này phải nghiêm chỉnh thi hành quyết định xử phạt của cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định. Nếu không thi hành quyết định xử phạt hoặc cố ý trốn tránh thi hành quyết định xử phạt thì cưỡng chế thi hành theo Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và xử phạt theo Điều 23 Nghị định này.

2. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân thủ trình tự, thủ tục cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

**Điều 29.-** Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại:

1. Để ngăn chặn kịp thời vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, những người và cơ quan có thẩm quyền được áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính theo Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính quy định.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại, thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 30.-** Tố cáo, khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại và giải quyết tố cáo, khiếu nại:

1. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân và tố cáo hành vi vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính, bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành chính (hoặc người đại diện hợp pháp của họ) có quyền khiếu nại về việc xử phạt hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với họ.

3. Thủ tục, trình tự, thời hạn, thẩm quyền khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo



thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 31.-** Việc xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại được áp dụng như sau:

Người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại mà có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che vi phạm, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, không đúng thẩm quyền, chiếm đoạt, sử dụng trái phép tiền bạc, hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm, làm cản trở lưu thông hàng hóa hợp pháp, gây thiệt hại cho người kinh doanh thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

#### Chương IV

#### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 32.-** Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký. Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 33.-** Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
K.T. Thủ tướng  
Phó Thủ tướng  
PHAN VĂN KHAI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 2-CP ngày 25-1-1996 phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;*

*Xét đề nghị của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Hóa chất Việt Nam,*

#### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.-** Phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam kèm theo Nghị định này.

**Điều 2.-** Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan căn cứ Điều lệ này để hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

**Điều 3.-** Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa chất Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
Thủ tướng  
VÕ VĂN KIẾT

**ĐIỀU LỆ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa chất Việt Nam**

*(được phê chuẩn tại Nghị định số 2-CP ngày 25-1-1996 của Chính phủ).*

#### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.-** Tổng công ty Hóa chất Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng công ty) là tổng công ty nhà nước gồm các đơn vị thành viên có quan hệ mật thiết về lợi ích kinh tế, tài chính, công nghệ, cung ứng, tiêu thụ, dịch vụ, thông tin, đào tạo, nghiên cứu, tiếp thị; hoạt động trong ngành Hóa chất.